Giải pháp nâng cao sự tự chủ trong học ngoại ngữ của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền

ThS PHẠM THU GIANG
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: phamthugiang888@gmail.com

Nhận ngày 19 tháng 7 năm 2021; chấp nhận đăng tháng 3 năm 2022.

Tóm tắt: *Việc đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ là một trong những thách thức lớn trong quá trình học tập của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Học viện). Tuy nhiên, để rèn luyện được phẩm chất tự chủ trong học tập là cả một quá trình và chịu nhiều ảnh hưởng từ phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của Nhà trường. Bài viết thảo luận một số vấn đề: khái niệm và đặc điểm của học tự chủ, những khó khăn hiện tại trong học ngoại ngữ của sinh viên Học viện và những đề xuất thay đổi trong phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá hướng đến tăng cường sự tự chủ của sinh viên trong học ngoại ngữ.*
Từ khóa: *sự tự chủ; dạy ngoại ngữ; học ngoại ngữ.*

Abstract: *Achieving program outcomes related to foreign languages is one of the great challenges for students at the Academy of Journalism and Communication (AJC). However, improving learning autonomy is a process heavily influenced by the university's teaching and assessment methods. The article discusses a number of issues, including the concept and characteristics of learning autonomy, difficulties in learning foreign languages at AJC and proposes some changes in teaching, testing and assessment methods, aiming at enhancing students' autonomy in learning foreign languages.*
Keywords: *autonomy; foreign language teaching; foreign language learning.*

1. Các quan điểm về sự tự chủ của người học

1.1. Khái niệm sự tự chủ của người học

Holec là một trong những học giả đầu tiên có những bài viết thảo luận chuyên sâu về sự tự chủ của người học. Holec định nghĩa "tự chủ" là "khả năng tự phụ trách việc học của chính mình"[1]. Ông cho rằng sự chủ động trong việc học là một quá trình kép, trong đó người học đồng thời lĩnh hội tri thức và học cách tiếp cận tri thức[2]. Đồng quan điểm với Holec, Dickinson nhấn mạnh trách nhiệm của người học như một điều kiện tiên quyết thúc đẩy quá trình học tập[3]. Dickinson tin rằng, người học cần phải chịu trách nhiệm về các hoạt động và kết quả học tập.

Sự tự chủ trong việc học không có nghĩa người học chỉ học một mình. Allwright cho rằng những người học tự chủ không chỉ có khả năng học tập một cách độc lập mà còn sẵn sàng tham gia tương tác với những người khác[4]. Thông qua làm việc nhóm, người học đồng thời chia sẻ và tự làm giàu kiến thức, kinh nghiệm học tập của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ biết đến là một danh nhân văn hóa kiệt xuất mà còn là một nhà giáo dục vĩ đại. Theo Hồ Chí Minh, muốn việc tự học đạt được kết quả tốt, người học cần phải có thái độ và phương pháp đúng đắn, "không phải có thầy đến thì học, thầy không đến thì đùa"[5]. Trong suốt cả cuộc đời, Người là tấm gương sáng của ý chí, quyết tâm không ngừng học hỏi trong mọi hoàn cảnh.

1.2. Một số đặc điểm của sự tự chủ trong học tập

Việc công nhận tầm quan trọng của khả năng tự chủ trong học tập có thể dẫn đến yêu cầu cấu trúc lại và định hình lại chương trình và phương pháp giảng dạy. Theo

Allwright, ý tưởng về sự tự chủ của người học liên quan đến việc "xóa bỏ lớp học truyền thống và giới thiệu những mô hình giáo dục hoàn toàn mới"[6]. Tuy nhiên, Nunan lập luận rằng, "hoạt động học tự chủ có thể kết hợp cùng phương pháp học tập truyền thống"[7]. Ông đề xuất mô hình tự chủ gồm năm cấp độ bao gồm "nhận thức", "tham gia", "can thiệp", "sáng tạo" và "vượt trội"[8]. Đáng chú ý, ở cấp độ "vượt trội", người học thể hiện năng lực tự chủ cao nhất, hoàn toàn chèo lái con thuyền nhận thức trong thế giới rộng lớn bên ngoài lớp học.

Dickinson nhấn mạnh vai trò của động cơ trong học tập tự chủ. Ông khẳng định rằng, sự gia tăng hứng thú học tập là đòn bẩy quan trọng khiến người học chủ động tham gia học tập một cách tích cực nhất[9]. Nếu bản thân người học không cảm nhận được ý nghĩa và giá trị của môn học, họ sẽ không chuyên tâm học hành mà chỉ tham gia môn học một cách đối phó.

Benson phân tích mối liên hệ giữa sự tự chủ và tính cá nhân hóa trong hoạt động học tập[10]. Phong cách học tập của mỗi cá nhân không giống nhau phụ thuộc nhiều yếu tố như tuổi tác, năng lực nhận thức, thái độ, tính cách và giới tính. Đặc điểm tâm lý và môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình học tập của mỗi cá nhân. Người dạy cần thiết kế một không khí lớp học hòa nhập, nơi không có học sinh nào của họ cảm thấy bị loại khỏi các hoạt động trong lớp bất chấp sự khác biệt.

Công nghệ Internet ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong giáo dục và mở ra cơ hội to lớn cho những người muốn tự chủ việc học. Benson nhấn mạnh tầm quan trọng của máy tính và Internet trong việc gia tăng tính độc lập cho người học ngôn ngữ / CALL - computer-assisted language learning[11]. CALL là công cụ hữu hiệu trong mô hình giáo dục đặt người học ở vị trí trung tâm. CALL được sử dụng để củng cố những gì đã được học trên lớp hoặc như một công cụ hỗ trợ quá trình tự học trước và sau khi tương tác với thầy cô cũng như bạn học.

Những nghiên cứu trên đã chứng tỏ sự đồng thuận về tầm quan trọng của sự tự chủ trong lĩnh vực giáo dục. Sự tự chủ được phản ánh thông qua sự tham gia tích cực của người học vào tất cả các khía cạnh của quá trình học tập. Ý tưởng về tự chủ học tập cũng ngụ ý thực tế rằng mỗi cá nhân có thể theo đuổi một phong cách học tập khác nhau. Giáo viên nên hỗ trợ quá trình học tập của người học theo những cách riêng phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của họ. Phương pháp học tập tự chủ cần song hành cùng phương pháp học tập truyền thống để đảm bảo người học có thể lĩnh hội tri thức hiệu quả và bền vững.

2. Những khó khăn của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong học ngoại ngữ

2.1. Thiếu phân hóa người học theo trình độ

Điều kiện học tập ngoại ngữ của sinh viên không chuyên tại Học viện còn nhiều bất cập. Một trong những khó khăn lớn nhất đối với sinh viên tại Học viện khi học ngoại ngữ là thiếu một môi trường học tập lý tưởng yêu cầu sĩ số lớp thấp (dưới 25 sinh viên/lớp) và trình độ người học đồng đều. Hầu hết lớp học ngoại ngữ đều trên dưới 40 sinh viên, trình độ sinh viên có sự chênh lệch lớn. Sinh viên đến từ các thành phố có điều kiện học tập tốt hơn thường có trình độ ngoại ngữ tốt hơn so với sinh viên nông thôn. Sinh viên thi đỗ đại học dựa trên tổ hợp môn thi có ngoại ngữ chắc chắn sẽ có lợi thế hơn về trình độ ngoại ngữ so với sinh viên chọn tổ hợp môn thi khác.

Như vậy, xuất phát điểm của sinh viên khi bước chân vào môi trường đại học có sự khác biệt rất lớn về năng lực sử dụng ngoại ngữ. Sinh viên tự do đăng ký học ngoại ngữ theo các học phần như quy định của chương trình, được xếp ngẫu nhiên vào các lớp và không thông qua cơ chế phân loại trình độ. Thực tế này dẫn đến tình trạng nội dung bài học trên lớp có thể quá dễ đối với sinh viên này nhưng lại quá khó đối với sinh viên khác. Với một lớp học quá đông, giáo viên không thể quan tâm đầy đủ đến từng sinh viên với năng lực, tốc độ và mục tiêu học tập khác nhau.

Sự thiếu thốn về nhân lực cũng như vật lực cho hoạt động giảng dạy ngoại ngữ rất khó khắc phục trong thời gian ngắn. Vì vậy, phương pháp giảng dạy truyền thống với việc giáo viên là trọng tâm sẽ không thể đảm bảo cho mỗi sinh viên được quan tâm giám sát và hướng dẫn đầy đủ. Giáo viên cần dành thời gian hạn hẹp trên lớp hướng dẫn sinh viên chủ động tiếp cận tài liệu và tận dụng mọi điều kiện có thể để thực hành tiếng hiệu quả nhất.

2.2. Nhận thức của sinh viên

Hầu hết sinh viên chưa thực sự chủ động, tích cực trong việc học ngoại ngữ. Sự tự do hơn ở môi trường đại học khiến nhiều sinh viên xao nhãng mục tiêu, sắp xếp thời gian không hợp lý giữa đi học, đi làm và hoạt

động ngoại khóa, giữa việc học môn chuyên ngành và môn ngoại ngữ. Bên cạnh đó, quá trình lĩnh hội tri thức của sinh viên vẫn chịu nhiều ảnh hưởng từ phương pháp học bị động nghe-chép thời phổ thông. Ngoài việc học theo giáo trình chính trên lớp, rất ít sinh viên chủ động sử dụng thêm tài liệu bên ngoài để tự bổ túc kiến thức đã rơi rụng so với yêu cầu của chương trình. Sinh viên không chủ động hỏi giáo viên khi không hiểu bài, hoặc lúng túng trong cách học. Thực hành ngoại ngữ đòi hỏi tinh thần tương tác cao và khả năng làm việc nhóm hiệu quả. Tuy nhiên, đa số sinh viên còn ngần ngại, miễn cưỡng và lảng tránh làm việc nhóm, hoặc chỉ muốn làm việc nhóm với những bạn thân quen, dẫn đến thực hành tiếng thiếu hiệu quả.

Như vậy, bên cạnh việc truyền thụ kiến thức, giáo viên cần có hướng dẫn và hoạt động để sinh viên làm quen với phương pháp học tập mới, phù hợp hơn tại môi trường đại học. Dần dần sinh viên sẽ ý thức hơn ý nghĩa của môn học ngoại ngữ và nâng cao trách nhiệm học tập của mình.

3. Giải pháp nâng cao năng lực tự chủ của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong học ngoại ngữ

3.1. Thay đổi phương pháp giảng dạy

- Tăng cường trải nghiệm cá nhân hóa việc học cho sinh viên

Cần có một cuộc cách mạng trong phương pháp giảng dạy hướng tới sinh viên là trọng tâm. Việc coi sinh viên là trọng tâm trong lớp không đơn thuần là việc giao cho sinh viên nhiều tài liệu tự học hơn, hay yêu cầu sinh viên thuyết trình nhiều hơn. Sinh viên cần phải chịu trách nhiệm từ việc xác định mục tiêu phấn đấu, lên kế hoạch học tập, lựa chọn phương pháp, tài liệu học phù hợp và tự đánh giá những tiến bộ trong quá trình học. Khởi đầu mỗi khóa học, giáo viên cần tích cực tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch học tập phù hợp nhất với bản thân. Điều này rất có ý nghĩa đối với cá nhân mỗi sinh viên, tránh việc sinh viên kém hơn bạn đồng lứa mà nản chí với việc học khi thấy mình quá đuối hoặc chủ quan với việc học khi thấy mình có nền tảng tốt hơn. Khi sinh viên chủ động quản lý việc học của mình, họ sẽ nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như hứng thú hơn với quá trình học.

Với mô hình học cá nhân hóa, sinh viên được phép lựa chọn chủ đề, tài liệu, phương pháp ưa thích, được phép đi chậm lại hoặc tăng tốc phụ thuộc vào hoàn cảnh và năng lực tiếp thu. Nhiệm vụ của giáo viên là gợi ý các tài liệu phù hợp, hỗ trợ sinh viên đánh giá năng lực và giải quyết những vướng mắc trong quá trình học.

Hướng dẫn phương pháp học là yếu tố quan trọng của mô hình học tập hướng tới sự tự chủ của sinh viên. Sinh viên được trao cần câu thay vì cho con cá. Ví dụ, sinh viên cần được giáo viên hướng dẫn cách tra cứu từ điển hiệu quả, cách tích lũy vốn từ, cách nhớ các quy tắc ngữ pháp theo sơ đồ tư duy, cách sử dụng Google Dịch thông minh... Nắm được phương pháp học tập, sinh viên sẽ trau dồi sự tự tin trên con đường chinh phục tri thức.

Với môi trường học tập đề cao tính cá nhân hóa, giáo viên không nên duy trì hình thức giảng dạy tập trung toàn lớp dựa trên một tài liệu duy nhất như cách làm phổ biến hiện nay. Thay vào đó, giáo viên nên chia lớp ra thành nhiều nhóm dựa vào năng lực, sở thích, hoàn cảnh học tập của sinh viên. Mỗi nhóm sẽ sử dụng những tài liệu riêng và học theo những phương pháp riêng. Vai trò của giáo viên chủ yếu sẽ là cố vấn và theo dõi tiến độ của mỗi nhóm. Giáo viên cần làm cho sinh viên cảm thấy yên tâm và thoải mái mặc dù có sự khác biệt về tốc độ học tập và sở thích học tập. Nhiệm vụ của giáo viên trong mô hình lớp học này không dễ dàng khi họ là người truyền cảm hứng, nắm rõ được tâm lý sinh viên, biết phân loại và chọn lọc tài liệu, đồng thời hiểu rõ các cột mốc tiến bộ.

- Áp dụng mô hình lớp học đảo ngược

Thực tế thời gian sinh viên có thể làm việc cùng giáo viên và bạn học trên lớp khá ít ỏi so với nhu cầu thực hành tiếng. Như vậy thời gian trên lớp cần được sử dụng một cách hợp lý nhất và hướng trọng tâm vào quá trình tương tác và giải đáp thắc mắc. Những kiến thức, kỹ năng sinh viên có thể học độc lập như làm bài tập ngữ pháp, từ vựng, thực hành đọc, viết, nghe có thể diễn ra phần lớn ngoài không gian lớp học như gia đình, thư viện, hay câu lạc bộ. Giáo viên chủ động gửi tài liệu và video liên quan đến một mảng kiến thức nào đó để sinh viên xem trước. Trong quá trình tự nghiên cứu và thực hành tại nhà, sinh được yêu cầu ghi chú lại tất cả những thắc mắc trước khi tham dự buổi học trên lớp. Một số công việc có ý nghĩa tại lớp học bao gồm: thảo luận phương pháp học, giải đáp thắc mắc, thực hành nói (hoạt động này sinh viên thiếu môi trường tương tác tại nhà), rèn luyện tâm lý thi cử và kiểm tra năng lực (giáo viên tổ chức kiểm tra thử tại lớp).

- Vận dụng công nghệ trong học chủ động

Giáo viên cần hướng dẫn sinh viên sử dụng những trang web và phần mềm thông minh như một người thầy thứ hai trong quá trình học và thực hành tiếng. Nội dung những trang mạng dạy tiếng trên Internet hiện nay rất đa dạng, bao phủ đầy đủ phương diện của việc học tiếng như từ vựng, ngữ pháp, phát âm, các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Bên cạnh đó ngày càng có nhiều phần mềm thông minh sinh viên có thể cài trên máy tính hoặc điện thoại hỗ trợ việc tự kiểm tra phát âm, tự kiểm tra đánh vần, ngữ pháp, tra từ, dịch đoạn, luyện nghe, luyện nói… Giáo viên cần lên một danh sách trang mạng và phần mềm tham khảo với những nhận xét tổng quát về nội dung, đối tượng sử dụng, ưu nhược điểm để sinh viên tham khảo.

Sau khi sinh viên lựa chọn những trang web và phần mềm để tham khảo, giáo viên cần có phương pháp kiểm tra tính tích cực của sinh viên. Tuy nhiên, giáo viên cũng nên lưu ý sinh viên không nên quá phụ thuộc vào việc luyện tập trên mạng và nên ưu tiên việc học qua tài liệu giấy với những kỹ năng như đọc, viết để đạt hiệu quả tối ưu. Ngoài ra, nếu quá phụ thuộc vào phần mềm thông minh sửa lỗi thực hành tiếng cũng sẽ ảnh hưởng đến khả năng tự nhận thức, tự sửa chữa. Như vậy, trong thời đại bùng nổ công nghệ giáo dục, giáo viên bên cạnh việc giới thiệu những ứng dụng trong học ngoại ngữ còn cần là người định hướng đáng tin cậy.

3.2. Thay đổi phương pháp kiểm tra, đánh giá

Nhiều năm nay, phương pháp kiểm tra đánh giá môn ngoại ngữ vẫn đi theo truyền thống là hình thức làm bài thi giữa kỳ, cuối kỳ được thiết kế chung cho toàn bộ sinh viên. Phương pháp này chỉ có ý nghĩa đo lường năng lực sinh viên dựa theo một thang điểm cụ thể. Hình thức này không tạo động lực học tập tích cực cho sinh viên khi không đánh giá được quá trình phấn đấu với những khác biệt về điểm xuất phát năng lực, tốc độ, thói quen học tập. Không ít sinh viên trong quá trình học tại đại học không có chút tiến bộ nào về năng lực ngoại ngữ so với thời phổ thông do chủ quan vì nền tảng bản thân tốt hơn mặt bằng tập thể. Bên cạnh đó, cũng rất nhiều sinh viên chật vật, học tập kém hiệu quả do không thể theo được thang năng lực bắt buộc với vốn kiến thức quá ít ỏi khi vào trường.

Như vậy, nếu muốn tạo động lực học tập và tăng cường sự tự chủ của sinh viên, cần phải đa dạng hình thức kiểm tra đánh giá. Bên cạnh hình thức kiểm tra truyền thống tại lớp nhằm đo lường năng lực sinh viên theo chuẩn nhất định, cần tăng cường đánh giá sinh viên ở nhiều hoạt động khác như bài tập lớn, dự án, nhật ký học tập, ngân hàng kiến thức… Với những hoạt động này sinh viên có thể thực hiện ngoài không gian lớp học, tự quản lý thời gian, tiến độ và có sự tự do nhất định trong lựa chọn mục tiêu, chủ đề ưa thích.

Thông qua phương pháp này, giáo viên có thể đánh giá kiến thức, thái độ, sự quyết tâm, sáng tạo, và kỹ năng làm việc của người học. Không chỉ giáo viên, chính bản thân sinh viên cũng có thể nhìn nhận chân thực quá trình học tập của mình để tự rút kinh nghiệm. Phương pháp kiểm tra đánh giá cần hướng tới hỗ trợ rèn luyện hệ thống các kỹ năng mềm cho sinh viên như khả năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, duy trì hứng thú… Đây là cũng là nhóm năng lực tổng hợp của phẩm chất học tập suốt đời.

Các trường đại học cần tạo mọi điều kiện để sinh viên rèn luyện phẩm chất học tập trọn đời, chủ động nâng cao năng lực trong mọi hoàn cảnh, không phụ thuộc vào trường lớp chính quy. Giáo viên nên thúc đẩy tư duy độc lập của sinh viên và khuyến khích sinh viên tham gia mọi khía cạnh của quá trình học tập. Sự chủ động của sinh viên trong việc học ngoại ngữ chỉ có thể được kích hoạt và phát huy khi có sự thay đổi căn bản phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá. Nỗ lực của sinh viên cần được đánh giá qua những sản phẩm học tập có tính tích lũy ngoài những bài kiểm tra nặng về điểm số. Niềm vui và sự tự do trong học tập tạo ra động lực nội tại và khuyến khích sinh viên nỗ lực hơn nữa trong quá trình tự học. Mô hình giáo dục hướng đến sự tự chủ của người học là một mô hình đảm bảo sự phát triển giáo dục bền vững. Đây cũng là xu hướng phù hợp với triết lý giáo dục của thế kỷ XXI được nhiều nền giáo dục tiến bộ trên thế giới áp dụng./.

(1) Holec. H (1981). *Autonomy in Foreign Language Learning*. Oxford: Pergamon.

(2), (3), (9) Dickinson, L. (1995). Autonomy and motivation: A literature review. *System* 23.2, (pp.165-174)

(4), (6) Allwright, D. (1990). *Autonomy in language pedagogy in CRILE Working Paper 6. Centre for Research in Education*. Lancashier: University of Lancaster.

(5) Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập*, T6, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật. (tr.360)

(7), (8) Nunan. D. (1997). *Designing and adapting materials to encourage learner autonomy*. London. Longman (pp. 192-203.)